

Bản án số: 25/2019/HS-ST  
Ngày: 30-11-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí*

*Các Hội thẩm nhân dân*

**Bà Hoàng Thị Hồng Nhung**

**Bà Trần Thu Hương.**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lành Thị Vệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HS-ST, ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/HSST-QĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Hoàng Tiến T;** tên gọi khác: Không, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1986 tại: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Xóm X, Đội Y, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không theo tôn giáo nào; con ông Hoàng Văn K và con bà Nguyễn Thị M; có vợ Nguyễn Thị N; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/9/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

**2. Lương Văn H;** tên gọi khác: Không, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1988 tại: Xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không theo tôn giáo nào; con ông: Lương Văn C và con bà: Hoàng Thị L; có vợ: Hoàng Thanh H; bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

**3. Giáp Ninh B**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1996 tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không theo tôn giáo nào; con ông Giáp Văn C và con bà Lại Thị L; có vợ Hoàng Thị O; con: Có một con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

**4. Lý Xuân T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 12 năm 1996 tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không theo tôn giáo nào; con ông Lý Quý L, và con bà La Thị H; có vợ: Trần Thị S ; con: Có một con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 27/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh đến nay có mặt tại phiên tòa.

**5. Lý Xuân D**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1996 tại: Xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không theo tôn giáo nào; con ông Lý Quý P và con bà Trần Thị V; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 27/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh đến nay có mặt tại phiên tòa .

**6. Tăng Sồi N**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11 tháng 3 năm 1990 tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; tiền án, tiền sự: Không; con ông: Tăng Say S và con bà: Tăng Tài M; có vợ: Lý Sám M; bị cáo có ba con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017. Bị cáo bị áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 27/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp cho Bảo Lãnh đến nay có mặt tại phiên tòa .

**7. Nông Văn X**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1996 tại Xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nông Tạt P và con bà Giáp Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

**8. Chu Ngọc S**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 3 năm 2000 tại xã Tình H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú (đăng ký hộ khẩu thường trú): Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Chu Xuân T

và con bà: Hoàng Thị C; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Tiến T: Bà Lương Thị Hương L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn - Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn H và Lý Xuân D: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn - Có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Lê Thị H, sinh năm 1989, trú tại Phòng X, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội - Vắng mặt;

Đàm Thị Hồng H, sinh năm 1994, trú tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên - Vắng mặt;

Lê Thị Hương L, sinh năm 1962, trú tại Số X, ngách Y, đường V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội - Vắng mặt.

Ông Tăng Say S; trú tại: thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 06/7/2019 tổ Công tác của Công an huyện Đình Lập phối hợp với Đoàn Biên Phòng B, trong quá trình đang làm nhiệm vụ tại đường tuần tra biên giới Việt Nam - Trung Quốc, khu vực cột mốc X thuộc địa phận xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã phát hiện và bắt giữ được Lý Xuân T, Lý Xuân D, Tăng Sồi N đang có hành vi vận chuyển những xe mô tô không có giấy tờ do người khác phạm tội mà có để mang sang Trung Quốc tiêu thụ. Qua đấu tranh khai thác đã làm rõ được: Hoàng Tiến T sinh ngày 08/5/1986 trú tại xóm X, Đội Y, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, đăng ký tạm trú tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, trong quá trình sinh sống tại cửa khẩu, T có quen biết với một người đàn ông người Trung Quốc tên là A. A thường xuyên thuê T gọi người bốc vác hàng hóa cho mình tại cửa khẩu H và các lối mòn sang Trung Quốc thuộc địa phận xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Đầu tháng 6 năm 2019, A đặt vấn đề là có xe mô tô trộm cắp, muốn thuê T và một số người vận chuyển xe trộm cắp được sang Trung Quốc giao cho người của A. A thỏa thuận với T là nhận xe ở ngã ba C, huyện T, tỉnh Quảng Ninh và giao xe ở các mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, người của A sẽ nhận xe tại đó. Nếu giao xe thành công A trả tiền công như sau: T được 100 tệ đối với 1 xe mô tô (tương đương khoảng 350.000 đồng), người trực tiếp điều khiển xe mang đi tiêu thụ được 800.000 đồng, người đi trông đường được 300.000 đồng - 400.000 đồng, thuê xe Taxi chở người từ B xuống ngã ba C nhận xe A trả 400.000 đồng (bốn

trăm nghìn đồng) một lượt. Việc trả tiền có thể do người của A Tài đưa luôn khi nhận xe, hoặc sẽ đưa cho T để T đưa cho mọi người. Do quen biết nhau từ trước và thường xuyên bốc vác hàng với T, nên khi được T nói lại việc A thuê vận chuyển xe mô tô trộm cắp đến đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn thì Lương Văn H, Lý Xuân T, Tăng Sòi N, Lý Xuân D, Nông Văn X, Chu Ngọc S, Giáp Ninh B đều nhất trí. Ngày 05/7/2019 A báo T “hôm nay có hàng, bố trí người đi làm”, T hỏi “mấy cái”, A trả lời “ba cái” và giao xe ở mốc X. Nhận được thông tin từ A, T gọi điện thoại cho Lương Văn H và Giáp Ninh B, báo giờ đi nhận hàng. T còn bảo H gọi thêm một người nữa vì có ba xe. H gọi điện thoại cho Lý Xuân T, bảo “đi làm”. Cùng ngày hôm đó, gọi điện cho H, B xong, T gọi điện thoại báo Lý Xuân D; Tăng Sòi N; Chu Ngọc S và Nông Văn X. Bảo D, N, X, S đi trông đường, tránh sự kiểm soát của các lực lượng chức năng, để vận chuyển xe trộm cắp đến các mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thuộc địa phận xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giao cho người của A đang chờ sẵn ở đó. Khi đi trông đường D điều khiển xe mô tô của D biển kiểm soát 28F1- 089.99, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14B9-004.60, X điều khiển xe mô tô của X biển kiểm soát 14P1- 033.07, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14P1- 003.35. Tiếp đó, T là người gọi điện thoại thuê xe taxi của anh Ngô Tiến D, sinh ngày 11/9/1984, trú tại khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh để chở H, T và B đi từ huyện B đến Ngã ba C, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Tại địa điểm này H, T và B nhận mỗi người một xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, T nhận chiếc xe màu sơn Xanh - Nâu không có biển kiểm soát còn H và B nhận mỗi người một xe màu sơn Trắng - Nâu có biển kiểm soát là 89E1-270.74 và 29D1-852.28 từ ba người nam thanh niên không quen biết. Sau khi nhận xe mô tô thì H, T và B điều khiển xe đi theo Quốc lộ C về huyện B sau đó rẽ trái vào đường liên thôn qua thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh đi lên đường tuần tra biên giới. Khi điều khiển xe mô tô đi đến khu vực cột mốc X trên đường tuần tra biên giới Việt Nam -Trung Quốc thuộc địa phận thôn B, xã B, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn B là người điều khiển xe đi đầu T và H đi phía sau Bình, lúc rẽ phải vào đường mòn để vượt qua biên giới thì bị lực lượng bộ đội biên phòng đồn B và Công an huyện Đình Lập bắt giữ. T, D, N bị bắt giữ cùng vật chứng, H và B chạy thoát. Biết sự việc đã bại lộ, X và S đi về nhà. Những chiếc xe do T, H, B, T, D, N, X, S vận chuyển đi tiêu thụ nêu trên, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MORE; Màu sơn: Xanh - Nâu; Số máy: F51E-0040744; Số khung: 5101DY040688 là xe của chị Lê Thị H, sinh năm 1991, trú tại H, N, Hải Dương, xe mô tô nói trên mất tại Tòa soạn báo Đời và pháp luật N, phường T, C, Hà Nội, cùng ngày chị H đã báo Công an phường T, C, Hà Nội. Xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MORE; Màu sơn: Trắng - Nâu; Số máy: JF51E0226484; Số khung: 5127FY011250; Biển kiểm soát: 89E1-270.74 là xe của chị Đàm Thị Hồng H trú tại xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên, xe bị mất khoảng 05 giờ ngày 05/7/2019 tại tầng hầm để xe khu chung cư T thuộc khu đô thị V, H, Hà Nội, cùng ngày chị H đã báo công an phường P, Quận H, Hà Nội. Xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MORE; Màu sơn: Trắng - Nâu; Số máy: JF51E0275570; Số khung: 5127FY038928; Biển kiểm soát: 29D1-852.28 là tài sản của bà Lê Thị Phong L, sinh năm 1962, trú tại số X, ngách Y đường V, Phường T, Quận H, Hà

Nội, bị mất trộm ngày 05/7/2019 tại quán café số X phố T, Quận B, Hà Nội, cùng ngày bà L đã báo Công an phường Q, Quận B, Hà Nội. Tại bản kết luận Định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 28/KL-HĐDGTS ngày 09/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tổng giá trị của ba xe mô tô do H, T và B vận chuyển từ ngã ba huyện T, tỉnh Quảng Ninh đưa sang Trung Quốc là 73.217.000 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn) cụ thể:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MORE; Màu sơn: Xanh-Nâu; Số máy: F51E-0040744; Số khung: 5101DY040688; Xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2014 có giá trị là 19.386.080 (mười chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi) đồng.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MORE; Màu sơn: Trắng - Nâu; Số máy: JF51E0226484; Số khung: 5127FY011250; Biển kiểm soát: 89E1-270.74. Xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 23/4/2015 có giá trị là 25.553.000 (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MORE; Màu sơn: Trắng - Nâu; Số máy: JF51E0275570; Số khung: 5127FY038928; Biển kiểm soát: 29D1-852.28. Xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2015 có giá trị là 28.278.000 (hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị can Hoàng Tiến T, Lương Văn H, Lý Xuân T, Giáp Ninh B, Lý Xuân D, Tăng Sòi N, Nông Văn X, Chu Ngọc S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án thu giữ được: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE; Màu sơn: Xanh-Nâu, Số máy: F51E-0040744; Số khung: 5101DY040688; không có biển kiểm soát. Xe cũ đã qua sử dụng.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE; Màu sơn: Trắng - Nâu; Số máy: JF51E0226484; Số khung: 5127FY011250; Biển kiểm soát: 89E1-270.74 Xe cũ đã qua sử dụng.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE; Màu sơn: Trắng - Nâu; Số máy: JF51E0275570; Số khung: 5127FY038928; Biển kiểm soát: 29D1-852.28 Xe cũ đã qua sử dụng.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; Màu sơn: Nâu; Số máy: VLK751R50FHH; Số khung: bị tẩy xóa; Biển kiểm soát: 28F1-089.99 Xe cũ đã qua sử dụng. Xe Lý Xuân D sử dụng để đi cảnh giới.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; Màu sơn: Đen - Vàng; Số máy: 5C64-588516; Số khung: RLCS5C640BY588510; Biển kiểm soát: 14B9-004.60 Xe cũ đã qua sử dụng. Xe Tăng Sòi N sử dụng để đi cảnh giới.

01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002772 của xe mô tô biển kiểm soát: 14B9-004.60 chủ xe tên: Hoàng Tiến L, Trú tại: N, Đ, B, Quảng Ninh, giấy đăng ký do Công an huyện B, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/10/2011.

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu K33 KECHAODA, màu bạc. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 866591030525019, số IMEI 2: 866591030525027. Trong điện thoại lắp 01 (một) sim Viettel có số thuê bao 0971945548, sê-ri sim: 89840480008819495617. Điện thoại của Lý Xuân D.

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO 1610, màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864655039208596, số IMEI 2: 864655039208588. Trong điện thoại lắp 01 (một) sim Viettel có số thuê bao 0966008606, có sê-ri sim: 8984048841000365909 và 01 (một) sim Vinaphone có số sê-ri sim: 89840200010713496537. Điện thoại của Tăng Sòi N.

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu K33 KECHAODA, màu bạc. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 866591030523253, số IMEI 2: 866591030523261. Trong điện thoại lắp 02 (một) sim Viettel có số thuê bao 0392346626, sê-ri sim: 8984048000036939521 và sim Viettel số thuê bao 0328266622 có số sê-ri sim 0984048841002974250. Điện thoại của Lý Xuân T.

Ngày 17/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập đã trả lại: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE; Màu sơn: Xanh - Nâu; Số máy: F51E-0040744; Số khung: 5101DY040688; Xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là Lê Thị H, sinh ngày 26,10,1991 trú tại phường Đ, quận H, TP Hà Nội.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE; Màu sơn: Trắng -Nâu; Số máy: JF51E0226484; Số khung: 5127FY011250; Biển kiểm soát: 89E1-270.74 Xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là Đàm Thị Hồng H, sinh ngày 26/5/1994, trú tại: thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE; Màu sơn: Trắng-Nâu; Số máy: JF51E0275570; Số khung: 5127FY038928; Biển kiểm soát: 29D1-852.28 Xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là Lê Thị Phong L, sinh ngày 29/10/1962 trú tại số X, ngách Y phố V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Vật chứng của vụ án chưa xử lý gồm:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; Màu sơn: Nâu; Số máy: VLK751R50FHH; Số khung: bị tẩy xóa; Biển kiểm soát: 28F1-089.99 Xe cũ đã qua sử dụng.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; Màu sơn: Đen - Vàng; Số máy: 5C64-588516; Số khung: RLCS5C640BY588510; Biển kiểm soát: 14B9-004.60 Xe cũ đã qua sử dụng

01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002772 của xe mô tô biển soát: 14B9-004.60 chủ xe tên: Hoàng Tiến L, Trú tại: N, Đ, B, Quảng Ninh, giấy đăng ký do Công an huyện B, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/10/2011.

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu K33 KECHAODA, màu bạc. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 866591030525019, số IMEI 2: 866591030525027. Trong điện thoại lắp 01 (một) sim Viettel có số thuê bao 0971945548, sê-ri sim: 89840480008819495617. Điện thoại của Lý Xuân D

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO 1610, màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864655039208596, số IMEI 2: 864655039208588. Trong điện thoại lắp 01 (một) sim Viettel có số thuê bao 0966008606, có số sê-ri sim: 8984048841000365909 và 01 (một) sim Vinaphone có số sê-ri sim: 89840200010713496537. Điện thoại của Tăng Sòi N.

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu K33 KECHAODA, màu bạc. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, số IMEI 1: 866591030523253, số IMEI 2: 866591030523261. Trong điện thoại lắp 02 (một) sim Viettel có số thuê bao 0392346626, sê-ri sim: 8984048000036939521 và sim Viettel số thuê bao 0328266622 có số sê-ri sim 0984048841002974250. Điện thoại của Lý Xuân T.

Về trách nhiệm dân sự: những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-ĐL, ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Tiến T, Lương Văn H, Giáp Ninh B, Lý Xuân T, Lý Xuân D, Tăng Sòi N, Nông Văn X và Chu Ngọc S ra trước Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 các điều 50, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo và tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, xử phạt các bị cáo mức án từ 06 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các Trợ giúp viên pháp lý: Trợ giúp viên Lương Thị Hương L bào chữa cho bị cáo Hoàng Tiến T trình bày về phần tội danh không tranh luận; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo làm nghề tự do, nên khi có người đàn ông Trung Quốc thuê vận chuyển xe để lấy tiền công, nên bị cáo đồng ý, bị cáo không phải là kẻ chủ mưu, cầm đầu; khi vận chuyển bị cáo chưa nhận được tiền công; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trợ giúp viên Chu Bích T bào chữa cho Lương Văn H và Lý Xuân D trình bày: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H và D vì các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Lương Văn H mức án 09 tháng và Lý Xuân D 06 tháng tù cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo T, H, D không có phát biểu bổ sung; các bị cáo khác không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi hoạt động tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên như: quyết định khởi tố bị can; quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam đều đã có quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp; lệnh tạm giam của cơ quan điều tra đều trong hạn luật định. Sau khi bắt bị can tạm giam thì cơ quan điều tra đã có thông báo bắt bị can để tạm giam và đều đã được gửi đến chính quyền địa phương và gia đình bị can đồng thời đã thu thập xác minh các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, xác minh thu nhập, tài sản.

Đối với hoạt động tố tụng của Viện kiểm sát thì sau khi cơ quan Điều tra khởi tố bị can thì đã có quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia giám sát vụ án và đã ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, quyết định tạm giữ và lệnh tạm giam bị can. Khi nhận hồ sơ vụ án thì đã ra cáo trạng đúng thời hạn luật định. Sau khi ra cáo trạng thì đã giao cáo trạng cho bị can trong hạn luật định. Do vậy có thể khẳng định các hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân lao động chân chính, làm cho nhiều người mất tài sản mà không lấy lại được, thậm chí mất đi nguồn kiếm sống của bản thân và gia đình. Các bị cáo thực hiện hành vi với số lượng nhiều người tham gia. Hơn nữa các bị cáo trước khi thực hiện hành vi nhận thức được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi vẫn cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những gây mất trật tự trị an ở địa phương, mà còn ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người khác, gây sự bất bình trong quần chúng nhân dân, mặt khác còn gián tiếp làm gia tăng các tội phạm khác trong xã hội, nên cần phải xử nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm gián đơn không có chủ mưu, người cầm đầu mà chỉ là người làm thuê để nhận tiền công. Nhưng đến trước khi bị bắt các bị cáo chưa được trả tiền công do chủ thuê vận chuyển là người bên Trung Quốc.



Để có hình phạt đúng người đúng tội, đúng pháp luật cần xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo cụ thể:

[5] Xét về nhân thân bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo xuất thân từ tầng lớp lao động, trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét đề nghị của Viện kiểm sát và các Trợ giúp viên pháp lý, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Do vậy, để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và cũng là biện pháp răn đe đối với những ai đang có ý định phạm tội như các bị cáo, nên cần thiết xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm minh, bảo đảm tính răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và trở thành công dân tốt. Tuy nhiên như đã phân tích nêu trên là các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

[6] Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Xét thấy việc đề nghị này là có cơ sở nên không cần thiết phải xử phạt tiền là hình phạt bổ sung với các bị cáo, vì các bị cáo là người lao động làm thuê, nhà không có tài sản đáng kể hoặc thuộc hộ nghèo và cận nghèo, có bị cáo còn sống phụ thuộc gia đình.

[7] Về tang vật vụ án: Đối với các xe mô tô, gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu sơn Nâu; số máy: VLK751R50FHH; số khung bị tẩy xóa; biển kiểm soát: 28F1-089.99 xe cũ đã qua sử dụng là xe không có giấy tờ cần tịch thu hoá giá nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu sơn Đen - Vàng; số máy: 5C64-588516; số khung: RLCS5C640BY588510; biển kiểm soát: 14B9-004.60 xe cũ đã qua sử dụng kèm 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002772 của xe mô tô biển số: 14B9-004.60 chủ xe tên Hoàng Tiến L, trú tại: N, Đ, B, Quảng Ninh, giấy đăng ký do Công an huyện B, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/10/2011 mặc dù là xe dùng để đi cảnh giới trông đường, nhưng đây là xe của ông bố của bị cáo Tăng Sỏi N mua với ông Hoàng Tiến L, xe này do bị cáo tự ý mang đi, nên áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, trả cho ông Tăng Say S trú tại Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

[8] Đối với các xe bị trộm cắp mà các bị cáo vận chuyển đi tiêu thụ đã trả cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử xác nhận đã trả cho chủ sở hữu. Đối với các điện thoại di động thu được của các bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình phạm tội cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

[9]. Do các bị cáo bị kết án, nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố:

Các bị cáo Hoàng Tiến T, Lương Văn H, Giáp Ninh B, Lý Xuân T, Lý Xuân D, Tăng Sồi N, Nông Văn X và Chu Ngọc S phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 50, 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Hoàng Tiến T, Lương Văn H.

Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu tháng), thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 Đối với các bị cáo Giáp Ninh B, Lý Xuân T, Lý Xuân D, Tăng Sồi N, Nông Văn X, Chu Ngọc S.

Xử phạt bị cáo Giáp Ninh B 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Lý Xuân T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Lý Xuân D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Nông Văn X 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Chu Ngọc S 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019.

Giao các bị cáo: Giáp Ninh B, Lý Xuân T, Lý Xuân D, Nông Văn X và Chu Ngọc S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Tăng Sồi N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”*.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

## 2. Về Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Xác nhận ngày 17 tháng 7 năm 2019 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập đã trả các tài sản cho chủ sở hữu:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu sơn Xanh - Nâu; số máy: F51E-0040744; số khung: 5101DY040688 xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là Lê Thị H, sinh ngày 26,10,1991 trú tại phường Đ, quận H, TP Hà Nội

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu sơn Trắng -Nâu; số máy: JF51E0226484; số khung: 5127FY011250; biển kiểm soát: 89E1-270.74 Xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là Đàm Thị Hồng H, sinh ngày 26/5/1994, trú tại: thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu sơn Trắng-Nâu; số máy: JF51E0275570; số khung: 5127FY038928; biển kiểm soát: 29D1-852.28 Xe

cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là Lê Thị Phong L, sinh ngày 29/10/1962, trú tại số X, ngách Y phố V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu sơn Nâu; số máy: VLK751R50FHH; số khung: bị tẩy xóa; biển kiểm soát: 28F1-089.99 xe cũ đã qua sử dụng.

Trả lại ông Tăng Say S trú tại Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu sơn: Đen - Vàng; số máy: 5C64-588516; số khung: RLCS5C640BY588510; biển kiểm soát: 14B9-004.60 xe cũ đã qua sử dụng kèm 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002772 của xe mô tô biển số: 14B9-004.60 chủ xe tên: Hoàng Tiến L, Trú tại: N, Đ, B, Quảng Ninh, giấy đăng ký do Công an huyện B, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/10/2011.

3. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Hoàng Tiến T, Lương Văn H, Giáp Ninh B, Lý Xuân T, Lý Xuân D, Tăng Sồi N, Nông Văn X và Chu Ngọc S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA dân sự huyện Đình Lập;
- CA huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Vi Đức Trí**

